

QUỐC HỘI
Số: 67-LCT/HĐNN8

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 1992

LUẬT

BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

QUỐC HỘI

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào các Điều 7, 9, 54 và 91 của Hiến pháp năm 1992 nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật này quy định việc bầu cử đại biểu Quốc hội.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Việc bầu cử đại biểu Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Điều 2

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội theo quy định của pháp luật, trừ những người mất trí và những người bị pháp luật hoặc Tòa án nhân dân tước các quyền đó.

Điều 3

Đại biểu Quốc hội phải là người trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới làm cho dân giàu, nước mạnh, có trình độ hiểu biết và năng lực thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội, tham gia quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, có phẩm chất và đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành pháp luật, được nhân dân tín nhiệm.

Điều 4

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức hiệp thương lựa chọn, giới thiệu những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Điều 5

Ủy ban thường vụ Quốc hội công bố và chủ trì việc bầu cử đại biểu Quốc hội; giám sát việc bầu cử đại biểu Quốc hội bảo đảm cho việc bầu cử tiến hành dân chủ, đúng pháp luật. Chính phủ chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện công tác bầu cử theo pháp luật.

Điều 6

Kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội do ngân sách Nhà nước đài thọ.

CHƯƠNG II

SỐ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐƠN VỊ BẦU CỬ VÀ KHU VỰC BỎ PHIẾU

Điều 7

Tổng số đại biểu Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không quá bốn trăm người.

Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được bầu ít nhất ba đại biểu.

Thủ đô Hà Nội được phân bổ số đại biểu thích đáng.

Điều 8

Đại biểu Quốc hội do từng đơn vị bầu cử bầu ra. Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thể là một đơn vị bầu cử hoặc chia thành nhiều đơn vị bầu cử. Mỗi đơn vị bầu cử được bầu không quá ba đại biểu.

Số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị và số đại biểu của mỗi đơn vị được tính căn cứ theo số dân do Ủy ban thường vụ Quốc hội ấn định và được công bố chậm nhất là bảy mươi ngày trước ngày bầu cử.

Điều 9

Số đại biểu Quốc hội người dân tộc thiểu số trong mỗi khoá Quốc hội do Ủy ban thường vụ Quốc hội ấn định, bảo đảm để thành phần dân tộc thiểu số có số đại biểu thích đáng.

Điều 10

Mỗi đơn vị bầu cử chia thành nhiều khu vực bỏ phiếu. Mỗi khu vực bỏ phiếu có từ ba trăm đến hai nghìn cử tri.

ở miền núi, hải đảo và những nơi dân cư không tập trung, dù chưa có tới ba trăm cử tri cũng có thể lập một khu vực bỏ phiếu.

Bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, nhà nuôi người tàn tật có từ năm mươi cử tri trở lên có thể lập thành khu vực bỏ phiếu riêng.

Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thành lập những khu vực bỏ phiếu riêng.

Việc chia khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn định và do Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp chuẩn y.

CHƯƠNG III

CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ

Điều 11

Phụ trách tổ chức việc bầu cử đại biểu Quốc hội có:

- Hội đồng bầu cử ở trung ương;
- Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ban bầu cử ở đơn vị bầu cử;
- Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu.

Điều 12

Chậm nhất là chín mươi ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập Hội đồng bầu cử từ mười lăm đến hai mươi một người, gồm đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện Ủy ban thường vụ Quốc hội, đại diện Chính phủ.

Hội đồng bầu cử bầu ra Chủ tịch, một hoặc hai Phó Chủ tịch và Tổng thư ký.

Hội đồng bầu cử có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- 1- Lãnh đạo việc tổ chức bầu cử trong cả nước, kiểm tra đôn đốc việc thi hành các quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội;
- 2- Công bố danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử trong cả nước;
- 3- Xét và giải quyết khiếu nại về công tác của các Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử và Tổ bầu cử; xét và giải quyết khiếu nại về công tác bầu cử do Ủy ban bầu cử hoặc Ban bầu cử chuyển đến;

- 4- Tiếp nhận và kiểm tra biên bản do Ủy ban bầu cử hoặc Ban bầu cử gửi đến, làm biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước;
- 5- Xét và quyết định việc bầu lại, bầu thêm hoặc huỷ bỏ kết quả bầu cử ở các đơn vị bầu cử;
- 6- Tuyên bố kết quả bầu cử trong cả nước;
- 7- Cấp giấy chứng nhận cho đại biểu trúng cử;
- 8- Trình Quốc hội biên bản tổng kết bầu cử và những hồ sơ tài liệu về bầu cử.

Điều 13

Chậm nhất là bảy mươi ngày trước ngày bầu cử, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban nhân dân phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thành lập Ủy ban bầu cử từ bảy đến chín người, trong đó có đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại diện chính quyền cùng cấp.

Ủy ban bầu cử bầu ra Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thư ký.

Ủy ban bầu cử có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- 1- Chỉ đạo việc chuẩn bị và tổ chức bầu cử ở các đơn vị bầu cử; in thẻ cử tri và phiếu bầu theo mẫu của Hội đồng bầu cử;
- 2- Kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành những quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội của các Ban bầu cử, Tổ bầu cử;
- 3- Nhận đơn và hồ sơ của những người ứng cử;
- 4- Lập danh sách những người ứng cử theo đơn vị bầu cử và báo cáo Hội đồng bầu cử quyết định.
- 5- Xét và giải quyết khiếu nại về bầu cử, về hoạt động của Ban bầu cử hoặc do Ban bầu cử chuyển đến;
- 6- Nhận và kiểm tra biên bản bầu cử;
- 7- Thông báo kết quả bầu cử chung ở địa phương;
- 8- Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo quy định của Hội đồng bầu cử;
- 9- Chuyển hồ sơ, biên bản bầu cử lên Hội đồng bầu cử;
- 10- Tổ chức việc bầu lại, bầu thêm theo quyết định của Hội đồng bầu cử.

Điều 14

Chậm nhất là sáu mươi ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử một Ban bầu cử từ chín đến mười lăm người, trong đó có đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện chính quyền địa phương.

Ban bầu cử bầu ra Trưởng ban, một hoặc hai Phó Trưởng ban và các Thư ký.

Ban bầu cử có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- 1- Kiểm tra, đôn đốc việc thi hành các quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội của các Tổ bầu cử;
- 2- Kiểm tra, đôn đốc việc bố trí các phòng bỏ phiếu;
- 3- Xét và giải quyết khiếu nại về công tác của các tổ bầu cử;
- 4- Phân phối phiếu bầu cử cho các tổ bầu cử, chậm nhất là năm ngày trước ngày bầu cử;
- 5- Kiểm tra việc lập và niêm yết danh sách cử tri;
- 6- Niêm yết danh sách những người ứng cử trong đơn vị bầu cử;
- 7- Xét và giải quyết khiếu nại về người ứng cử;
- 8- Kiểm tra công việc bầu cử tại các phòng bỏ phiếu;
- 9- Tiếp nhận, kiểm tra biên bản kiểm phiếu do các tổ bầu cử gửi đến; làm biên bản xác định kết quả bầu cử trong đơn vị để gửi lên Hội đồng bầu cử và tuyên bố kết quả đó;
- 10- Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo quy định của Hội đồng bầu cử và Ủy ban bầu cử;
- 11- Giao hồ sơ, tài liệu về bầu cử cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- 12- Tổ chức việc bầu lại, bầu thêm theo quy định của Luật này.

Ủy địa phương chỉ có một đơn vị bầu cử thì Ủy ban bầu cử thực hiện những quyền hạn và nhiệm vụ của Ban bầu cử và không thành lập Ban bầu cử.

Điều 15

Chậm nhất là hai mươi ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử gồm từ năm đến mười một người trong đó có đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại diện chính quyền địa phương.